

Bản án số: 115/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04-9-2018

V/v: ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Dư Thanh Nguyễn

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trịnh Hữu Hiệp

Ông Đoàn Quốc Thống

- Thư ký phiên tòa: bà Dương Thị Lua - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh tham gia phiên tòa:
Ông Lê Quốc Nin – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện U Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 301/2017/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về ly hôn, chia tài sản khi ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 165/2018/QĐXXST - HNGĐ, ngày 16 tháng 7 năm 2018, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Nh, sinh năm 1966

Địa chỉ cư trú: ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn xin ly hôn đề ngày 27 tháng 10 năm 2017 và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn Nh tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1984, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện U Minh. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường xảy ra bất đồng ý kiến, ông Nh không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu về kiếm chuyện,

chưởi mắng, đánh đập bà, ông Nh còn đưa con riêng của ông Nh về chung sống trong gia đình, không bàn bạc với bà, từ đó giữa con bà với ông Nh và con riêng ông Nh xảy ra mâu thuẫn, ông Nh nghe theo lời của con riêng đánh đập bà nhiều lần, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng gay gắt trầm trọng không thể hàn gắn nên đã ly thân. Bà L nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu được ly hôn với ông Nh.

Về con chung: Bà L và ông Nh có 01 người con chung tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1985 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L xác định có diện tích đất 30.800 m² và 1 căn nhà, bà yêu cầu được chia ½ diện tích đất nằm phía bên có căn nhà, bà được nhận căn nhà và đồng ý giao lại cho bên anh Nh ½ giá trị căn nhà. Tại phiên tòa bà L có thay đổi về phần chia tài sản cụ thể bà yêu cầu được nhận ½ diện tích đất hướng bên không có căn nhà, còn phần đất hướng có căn nhà giao cho ông Nh. Đối với căn nhà, bồn nước, phần cuốn nền nhà bà giao lại cho ông Nh, bà nhận ½ giá trị theo kết quả định giá.

Về nợ chung: không có.

- *Tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Nh trình bày:*

Về hôn nhân: thời gian chung sống, có đăng ký kết hôn, tình trạng hôn nhân như trình bày của bà L là đúng, ông Nh đồng ý ly hôn với bà L.

Về con chung: có 01 người con chung tên Nguyễn Thị K, sinh năm 1985 đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: có diện tích đất 30.800 m², giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông Nh đứng tên, ông đồng ý với kết quả thẩm định tại chỗ về diện tích đất, vị trí đất ngày 19/01/2018, ông thống nhất nhận căn nhà và phần đất hướng có căn nhà, phần đất đã chia xong cho bà L, ông đồng ý giao lại cho bà L ½ giá trị căn nhà và giá trị các tài sản khác theo kết quả định giá của công ty cổ phần giám định và Thẩm định EXIMVAS.

Về nợ chung: không có.

Tại phiên tòa ông Nh yêu cầu bà L hoàn trả lại cho ông Nh chi phí ăn uống của bà L, chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình, chi phí ăn uống, nuôi dưỡng con và cháu với số tiền 40.000.000 đồng, trong thời gian 3 năm.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án; việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng đã thực hiện

đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật. Quan điểm giải quyết đề nghị hoãn phiên tòa cho ông Nh nộp tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu bà L hoàn lại chi phí ăn uống của bà L, chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình, chi phí ăn uống, nuôi dưỡng con và cháu với số tiền 40.000.000 đồng, trong thời gian 3 năm và đưa ra giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu ly hôn, chia tài sản chung đối với ông Nguyễn Văn Nh, địa chỉ cư trú ấp 10, xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau, theo khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Nh tự nguyện đi đến hôn nhân vào năm 1984, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào năm 2004. Do đó, hôn nhân giữa bà L và ông Nh là hợp pháp được pháp luật công nhận.

Trong quá trình chung sống giữa bà L và ông Nh phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đã ly thân. Bà L và ông Nh thống nhất ly hôn. Từ đó, cho thấy tình cảm giữa bà L và ông Nh không còn, đời sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đồng ý cho bà L và ông Nh ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Nh cùng xác định người con chung tên Nguyễn Thị K đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[4] Về tài sản chung:

- Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Nh cùng thống nhất tài sản chung có phần đất diện tích, vị trí theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 19/01/2018 phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Hoài dài 440 mét; phía Tây giáp đất ông Võ Văn Kiếm dài 440 mét, Phía Nam giáp lộ xe U Minh – Cà Mau dài 74 mét, phía Bắc giáp kênh 500 dài 72 mét, diện tích 32.120 m², do ông Nguyễn Văn Nh đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, tại thửa số 0237. Trên phần đất có căn nhà của bà L, ông Nh nằm ở hướng Đông, bà L yêu cầu được nhận phần đất vị trí hướng không có căn nhà, còn phần đất vị trí hướng có căn nhà để ông Nh quản lý sử dụng, ông Nh đồng ý chia theo yêu cầu của bà L, ông Nh cho rằng phần đất đã phân chia cho bà L xong nhưng chỉ nói miệng chưa làm giấy tờ, để vợ chồng tự thỏa thuận còn bà L thì yêu cầu Tòa án phân chia, không đồng ý để tự thỏa thuận. Từ đó, có căn cứ xác định phần đất là tài sản chung của bà L và

ông Nh nên đồng ý phân chia theo yêu cầu của bà L, bà L được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất, ông Nh được nhận $\frac{1}{2}$ diện tích đất theo kết quả thẩm định tại chỗ, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị L được chia diện tích đất: Phía Đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn Nh dài 440; phía Tây giáp phần đất ông Võ Văn Kiêm dài 440 mét; phía Nam giáp lộ xe U Minh – Cà Mau dài 37 mét; Phía Bắc giáp Kênh 500 dài 36 mét, diện tích 16.060 m².

Ông Nguyễn Văn Nh được chia diện tích đất: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Hoài dài 440; phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L dài 440 mét; phía Nam giáp lộ xe U Minh – Cà Mau dài 37 mét; Phía Bắc giáp Kênh 500 dài 36 mét, diện tích 16.060 m².

- Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Nh cùng thống nhất giao căn nhà chính diện tích 4,6 mét x 10,9 mét, khung sườn bằng bê tông, vách xây tường, nền lót gạch bông, mái lợp tol; nhà phụ diện tích 2,5 mét x 10,9 mét, khung sườn bằng bê tông, vách $\frac{1}{2}$ xây tường, $\frac{1}{2}$ khung lưới chì B40, nền lót gạch Tàu, mái lợp tol xi măng; Mái che diện tích 4,6 mét x 4,1 mét, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, mái lợp thiếc, nền lót gạch Tàu, không vách; Bồn nước 2,2 mét x 2,2 mét x 1,7 mét xây bằng xi măng; 01 cây nước; 01 cái nền nhà xây bó gạch 20 cm, mặt nền đổ bê tông 6,2 mét x 13,5 mét cho ông Nh quản lý sử dụng. Ông Nh giao lại cho bà L giá trị $\frac{1}{2}$ các tài sản này theo kết quả định giá của công ty cổ phần giám định và thẩm định EXIMVAS nên ghi nhận sự tự nguyện này, tổng giá trị tài sản theo định giá là 87.201.000 đồng, ông Nh có nghĩa vụ giao lại cho bà L số tiền 43.600.500 đồng.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị L và ông Nguyễn Văn Nh cùng xác định không có nên không đặt ra xem xét.

[6] Xét yêu cầu của ông Nguyễn Văn Nh yêu cầu bà Nguyễn Thị L hoàn lại ông chi phí ăn uống của bà L; chi phí sinh hoạt hàng ngày của gia đình; chi phí ăn uống, nuôi dưỡng con và cháu với số tiền 40.000.000 đồng, trong thời gian 3 năm, bà L không đồng ý. Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát đề nghị hoãn phiên tòa để ông Nh làm thủ tục nộp tạm ứng án phí và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Xét thấy, khi Tòa án tiến hành thụ lý vụ án, đã thông báo thụ lý cho ông Nh, Tòa án tiến hành mở phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng trong giai đoạn này ông Nh không yêu cầu, tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử và mở phiên tòa theo quy định của pháp luật nên không xem xét yêu cầu của ông Nh trong cùng vụ án này. Trường hợp ông Nh thấy quyền và lợi ích của ông bị xâm phạm thì ông Nh có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí:

- Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng. Án phí có giá ngạch đối với phần đất được chia 16.060 m² (trong đó có 150 m² đất ở, còn lại đất nông nghiệp) cụ thể đất nông nghiệp 15.910 m² x 20.000 đồng = 318.200.000 đồng; 150 m² đất ở x 300.000 đồng = 45.000.000 đồng, tổng cộng là 363.200.000 đồng x 5% = 18.160. 000 đồng; Bà L được chia số tiền 43.600.500 đồng x 5% = 2.180.025 đồng, tổng cộng các khoản án phí bà L phải chịu 20.640.025 (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011653 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyên thu, bà L phải nộp tiếp số tiền 12.240.025 (mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án phí hôn nhân và đình sơ thẩm ông Nguyễn Văn Nh không phải chịu. Án phí có giá ngạch đối với phần đất được chia 16.060 m² (trong đó có 150 m² đất ở, còn lại đất nông nghiệp) cụ thể đất nông nghiệp 15.910 m² x 20.000 đồng = 318.200.000 đồng; 150 m² đất ở x 300.000 đồng = 45.000.000 đồng, tổng cộng là 363.200.000 đồng x 5% = 18.160. 000 đồng; Ông Nh được nhận phần ^{1/2} giá trị nhà, bồn nước, cây nước, nền nhà bó gạch với giá trị 43.600.500 đồng x 5% = 2.180.025 đồng, tổng cộng các khoản án phí ông Nh phải chịu 20.340.025 (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Giá đất tính theo Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND, ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Bảng giá các loại đất năm 2015 trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

[8] Về chi phí đo đạc đất với số tiền 1.000.000 đồng, phần đất bà L và ông Nh đều được chia nên mỗi người phải chịu ^{1/2}, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ số tiền 1.000.000 đồng nên buộc ông Nh trả lại cho bà L 500.000 đồng, theo quy định tại Điều 157, Điều 158 Bộ luật tố tụng dân sự.

[9] Về chi phí định giá với số tiền 2.000.000 đồng, bà L và ông Nh đều được nhận ^{1/2} giá trị tài sản định giá nên mỗi người phải chịu ^{1/2}, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ số tiền 2.000.000 đồng nên buộc ông Nh trả lại cho bà L 1.000.000 đồng theo quy định tại Điều 165, Điều 166 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, Điều 158; Điều 165, Điều 166; Điều 220; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 33; Điều 53; Điều 54; Điều 56; Điều 59; Điều 62 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng điểm a, điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị L với ông Nguyễn Văn Nh.

- Về con chung: Người con chung tên Nguyễn Thị K đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung:

+ Bà Nguyễn Thị L được chia diện tích đất: Phía Đông giáp đất chia cho ông Nguyễn Văn Nh dài 440 mét; phía Tây giáp phần đất ông Võ Văn Kiêm dài 440 mét; phía Nam giáp lộ xe U Minh – Cà Mau dài 37 mét; Phía Bắc giáp Kênh 500 dài 36 mét, diện tích 16.060 m².

+ Ông Nguyễn Văn Nh được chia diện tích đất: Phía Đông giáp đất ông Nguyễn Văn Hoài dài 440 mét; phía Tây giáp phần đất chia cho bà Nguyễn Thị L dài 440 mét; phía Nam giáp lộ xe U Minh – Cà Mau dài 37 mét; Phía Bắc giáp Kênh 500 dài 36 mét, 16.060 m².

+ Ông Nguyễn Văn Nh được quản lý, sử dụng căn nhà chính diện tích 4,6 mét x 10,9 mét, khung sườn bằng bê tông, vách xây tường, nền lót gạch bông, mái lợp tol; nhà phụ diện tích 2,5 mét x 10,9 mét, khung sườn bằng bê tông, vách ^{1/2} xây tường, ^{1/2} khung lưới chì B40, nền lót gạch Tàu, mái lợp tol xi măng; Mái che diện tích 4,6 mét x 4,1 mét, khung sườn bằng cây gỗ địa phương, mái lợp thiếc, nền lót gạch Tàu, không vách; Bồn nước 2,2 mét x 2,2 mét x 1,7 mét xây bằng xi măng; 01 cây nước; 01 cái nền nhà xây bó gạch 20 cm, mặt nền đổ bê tông 6,2 mét x 13,5 mét.

+ Ông Nguyễn Văn Nh có nghĩa vụ giao lại cho bà Nguyễn Thị L số tiền 43.600.500 (bốn mươi ba triệu sáu trăm nghìn năm trăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Về nợ chung: không có.

- Về án phí:

+ Bà Nguyễn Thị L phải chịu số tiền 20.640.025 (hai mươi triệu sáu trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng. Bà L đã nộp tạm ứng án phí số tiền 8.400.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011653 ngày 27/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh được đối trừ chuyển thu, bà L phải nộp tiếp số tiền 12.240.025 (mười hai triệu hai trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

+ Ông Nguyễn Văn Nh phải chịu án phí với số tiền 20.340.025 (hai mươi triệu ba trăm bốn mươi nghìn không trăm hai mươi lăm) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chi phí đo đạc: với số tiền 1.000.000 (một triệu) đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 500.000 (năm trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ số tiền 1.000.000 đồng buộc ông Nh trả lại cho bà L 500.000 đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Chi phí định giá với số tiền 2.000.000 (hai triệu) đồng, bà Nguyễn Thị L phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng, ông Nguyễn Văn Nh phải chịu 1.000.000 (một triệu) đồng, bà Nguyễn Thị L đã nộp đủ số tiền 2.000.000 đồng, buộc ông Nh trả lại cho bà L 1.000.000 (một triệu) đồng, khi bản án có hiệu lực pháp luật.

- Án xử sơ thẩm các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”

Nơi nhận:

- Phòng GD-KTNV TAND tỉnh Cà Mau (1b);
- VKSND huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- Chi cục thi hành án dân sự huyện U Minh, tỉnh Cà Mau (1b);
- UBND xã Khánh An, huyện U Minh (1b);
- Các đương sự (mỗi đ/s 1 b);
- Lưu hồ sơ, văn thư (1b).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dư Thanh Nguyễn

